

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2025
*V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Hiền và ông Trần Đăng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quang Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A)

Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật là ông: Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị V1 - Chức vụ: Giám đốc phòng G, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, có mặt.

Địa chỉ trụ sở: T1, xã H, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

1. Về quan hệ cho vay tín dụng

Ngày 05/8/2020, bà Lê Thị H cùng chồng là ông Hoàng Văn H1 (ông H1 có văn bản uỷ quyền cho bà H) và Chi nhánh NHNo&PTNT huyện H – Phòng giao dịch thị trấn G (nay là A – Phòng G) ký kết Hợp đồng tín dụng số 3407LAV202002287 ngày 05/8/2020. Nội dung hợp đồng cụ thể như sau:

- Phương thức vay: Hạn mức tín dụng quy mô nhỏ.
- Mục đích vay vốn: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (Chăn nuôi lợn).
- Hạn mức cho vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), giải ngân ngày 05/8/2021.
- Thời hạn của hợp đồng tín dụng: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.
- Thời hạn vay vốn: 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay.
- Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm. Trong trường hợp tại thời điểm giải ngân theo từng lần nhận nợ, A áp dụng lãi suất cho vay theo thông báo lãi suất tại thời điểm đó. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả 10%.
- Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

2. Quá trình thực hiện hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho A từ ngày 06/8/2022. A đã làm việc, gửi thông báo và tạo điều kiện cho bà H thanh toán nợ nhưng A không nhận được sự hợp tác trả nợ từ bà H. Việc vi phạm nghĩa vụ của bà H như trên đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của A. Tính đến ngày 17/9/2025, bà H đã thanh toán cho A tổng số tiền 46.620.547 đồng trong đó nợ gốc là 40.400.000 đồng và nợ lãi là 6.220.547 đồng.

Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho A theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tạm tính đến ngày 17/9/2025 là:

Nợ gốc: 59.600.000 đồng

Lãi trong hạn: 3.305.480 đồng

Lãi quá hạn: 26.495.531 đồng

Tổng: 89.401.012 đồng

2. Buộc ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Trong trường hợp ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

** Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Ngày 05/8/2020, bà H và chồng là ông H1 (ông H1 có văn bản ủy quyền cho bà H) có ký kết với Chi nhánh NHNo&PTNT huyện H – Phòng giao dịch thị trấn G (nay là A – Phòng G) Hợp đồng tín dụng số 3407LAV202002287 với nội dung như người đại diện hợp pháp của A trình bày là đúng. Tính đến ngày 17/9/2025, bà H đã thanh toán cho A tổng số tiền 46.620.547 đồng trong đó nợ gốc là 40.400.000 đồng và nợ lãi là 6.220.547 đồng.

Nay A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà và ông Hoàng Văn H1 trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho A tạm tính đến ngày 17/9/2025 là 89.401.012 đồng trong đó nợ gốc là 59.600.000 đồng và nợ lãi là 29.801.012 đồng. Bà H đồng ý trả nợ cho A nhưng do kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên bà không có điều kiện để trả ngay cho A được, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hiện chồng bà H là ông H1 đang đi làm tại T, không có điều kiện về Tòa án làm việc nhưng ông H1 có trao đổi lại với bà là ông H1 biết việc A khởi kiện vợ chồng ông bà tại Tòa án, ông H1 thừa nhận ông bà có vay nợ của A.

** Tòa án đã giao, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H1 không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn,

bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc, không trình bày nội dung vụ án và quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là A có đơn khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/9/2025 theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là bà Lê Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên. Do đó, yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng đã ký kết:

A có đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100686174 của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp. Căn cứ vào nhu cầu vay vốn của bà H, A và bà H, ông H1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3407LAV202002287 ngày 05/8/2020, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không

vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, bà H, ông H1 đã thanh toán cho A một phần nghĩa vụ trả nợ là 46.620.547 đồng (trong đó nợ gốc là 40.400.000 đồng và nợ lãi là 6.220.547 đồng). Kể từ ngày 06/8/2022, bà H, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và lãi suất được chuyển sang nợ lãi quá hạn. Sau ngày 16/01/2023, bà H, ông H1 không thanh toán cho A thêm bất cứ khoản nợ nào. Như vậy, bà H, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H, ông H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Tính đến ngày 17/9/2025, bà H, ông H1 còn nợ A tổng số tiền: 89.401.012 đồng (trong đó nợ gốc là 59.600.000, lãi quá hạn là 26.495.531 đồng, lãi trong hạn là 3.305.480 đồng).

Bà H, ông H1 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, được biết về số tiền còn nợ ngân hàng, số tiền lãi theo bảng kê tính lãi của ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất:

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, A có chức năng hoạt động tín dụng theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và phần lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên vợ chồng bà H, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo cách tính: 5% của phần giá trị tài sản có tranh chấp. Theo đó, án phí bà H, ông H1 phải chịu là: $5\% \times 89.401.012 \text{ đồng} = 4.470.050 \text{ đồng}$.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: A, bà H, ông H1 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15;

Căn cứ Điều 280, Điều 357; Điều 385; Điều 401; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A):

Buộc ông ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H phải trả cho A tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 17/9/2025 là:

Nợ gốc: 59.600.000 đồng

Lãi trong hạn: 3.305.480 đồng

Lãi quá hạn: 26.495.531 đồng

Tổng: 89.401.012 đồng (T mươi chín triệu bốn trăm linh một nghìn không trăm mười hai đồng).

2. Buộc ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Về án phí:

Buộc ông Hoàng Văn H1 và bà Lê Thị H phải nộp 4.470.050 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại A số tiền tạm ứng án phí là 2.175.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000023 ngày 21/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên.

4. Quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/9/2025. Ông Hoàng Văn H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THA Dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Đường sự,
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Đặng Thị Nguyệt